

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **305/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: **19/12/2019**

V/v tranh chấp **ly hôn, về nuôi con.**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hồng;

2. Ông Võ Lâm Sơn;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tân Kiệt, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Tôn Văn Xuyên, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 728/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp “ly hôn, về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 589/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; địa chỉ: số 475/16, ấp B, xã X, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: số 180/65, ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Phú E, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Huỳnh Phú E tìm hiểu và tổ chức lễ cưới vào cuối năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, vợ

chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn, chồng thường hay uống rượu, đánh chị nhiều lần, chị có khuyên ngăn nhưng chồng không thay đổi tính tình. Đến tháng 05/2019 thì mâu thuẫn trầm trọng và không còn chung sống đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Phú E. Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Gia B, sinh ngày 25/01/2011 và Huỳnh Gia H, sinh ngày 20/5/2013 (02 con chung hiện do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh Phú E cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Huỳnh Phú E trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T tự tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn nên vợ yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý, yêu cầu được hàn gắn vì còn thương vợ, con. Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Gia B, sinh ngày 25/01/2011 và Huỳnh Gia H, sinh ngày 20/5/2013. Từ trước đến ngày 05/8/2019 thì 02 con chung do anh chăm sóc, nuôi dưỡng, đến ngày 06/8/2019 thì vợ dẫn 02 con đi về tỉnh Bến Tre sinh sống cho đến nay. Trường hợp, Tòa án cho vợ chồng ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu vợ cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng có 01 tủ lạnh, 01 máy may, 01 quạt gió không khí (có giá trị tổng cộng khoảng 15.000.000 đồng) và vợ chồng có mua 01 diện tích đất thổ cư, vườn tạp ngang 08, dài 10m, giá 75.000.000 đồng. Đất tọa lạc ấp Bình Tấn, xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Trường hợp, Tòa án cho vợ chồng ly hôn thì anh yêu cầu chia đôi tài sản chung, phần anh được nhận 45.000.000 đồng. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, anh Phú E xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T, yêu cầu được nuôi 02 con chung tên B và Huy, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi 02 con chung, tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Phú E kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Phước Xuân ngày 20/10/2010. Trong quá trình chung sống vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn, ông Phú E thường hay uống rượu, bà T khuyên ngăn nhiều lần nhưng ông Phú E không thay đổi, đến tháng 5/2019 mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng và ly thân đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, bà T yêu cầu ly hôn.

Riêng, ông Phú E cho rằng mâu thuẫn do bà T có người thứ ba, nay bà T xin ly hôn ông đồng ý ly hôn. Xét sự tự nguyện và thuận tình ly hôn giữa bà T với ông Phú E là phù hợp Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên công nhận. Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Gia B - Sinh ngày 25/01/2011 và Huỳnh Gia H - Sinh ngày 20/5/2013, đang sống với bà T. Khi ly hôn, bà T, ông Phú E yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B và cháu Huy, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi ly thân cho đến nay, cháu B và cháu Huy sống với bà T phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Mặt khác, cháu B có nguyện vọng sống với bà T. Để ổn định cuộc sống cho các cháu nghĩ nên để bà T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B và cháu Huy. Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến. Về tài sản chung: Bà T tự thỏa thuận với ông Phú E không yêu cầu Tòa án giải quyết. Phía ông Phú E yêu cầu giải quyết tài sản chung của vợ chồng, gồm: 01 tủ lạnh, 01 máy may, 01 quạt gió không khí, có giá trị tổng cộng khoảng 15.000.000đ và diện tích đất thổ cư ngang 08, dài 10m, giá 75.000.000 đồng, tọa lạc ấp Bình Tấn, xã Bình Phước Xuân, chưa làm thủ tục sang tên, yêu cầu chia tài sản chung và được nhận 45.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông Phú E không nộp biên lai tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật, nên căn cứ điểm d khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không thụ lý giải quyết yêu cầu phản tố của ông Phú E. Về nợ chung: Không có.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xem xét quyết định.

- Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Phú E.

- Bà Nguyễn Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu Huỳnh Gia B - Sinh ngày 25/01/2011 và Huỳnh Gia H - Sinh ngày 20/5/2013, ông Huỳnh Phú E không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Phú E, anh Phú E có nơi cư trú ấp Long Bình, xã Long Kiến, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Chị Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Phú E. Chị T và anh Phú E có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và B vệ. Chị T trình bày, trong quá trình chung sống vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn, chồng thường hay uống rượu, đánh chị nhiều lần, chị có khuyên ngăn nhiều lần nhưng chồng không thay đổi tính tình. Đến tháng 05/2019 thì mâu thuẫn trầm trọng và không còn

chung sống đến nay, anh Phú E cho rằng, vợ chồng không có mâu thuẫn, vợ chồng sống hạnh phúc, anh không biết lý do vợ yêu cầu ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu được hàn gắn, vì còn thương vợ, con. Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Phú E, anh Phú E xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu ly hôn của chị T. Quá trình giải quyết Tòa án đã tạo điều kiện để anh, chị hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần, nhưng anh, chị không hàn gắn được. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh chị thống nhất ly hôn. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận này là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về quan hệ con chung: Chị T, anh Phú E xác định, vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Gia B, sinh ngày 25/01/2011 và Huỳnh Gia H, sinh ngày 20/5/2013. Từ khi vợ chồng không còn chung sống từ tháng 05/2019 đến nay thì 02 con chung do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T, anh Phú E đều yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Xét thấy, từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau cháu B, cháu Huy do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng nên tâm tư, tình cảm của các cháu gắn liền với người nuôi dưỡng, nếu thay đổi sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của các cháu. Bên cạnh đó, thì cháu B cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ (chị T). Tại phiên tòa, chị T xác định từ khi chị chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu đến nay thì vẫn phát triển bình thường, được đi học, nơi chị sinh sống gần trường học, trạm y tế và hiện nay chị là công nhân may gần trường 02 con đang học nên có điều kiện đưa rước, chăm sóc các con. Trong khi đó, anh Phú E xác định hiện tại thì anh bán vé số bên thành phố Long Xuyên đến khi hết thì về nhà. Hội đồng xét xử xét thấy, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các cháu, do đó cần phải tạo điều kiện cho sự phát triển về thể chất, đảm bảo việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần phải giao cháu B, cháu Huy cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật và nguyện vọng của cháu.

[4] Đối với cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Chị T trình bày, vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng, anh Phú E cho rằng: Vợ chồng có 01 tủ lạnh, 01 máy may, 01 quạt gió không khí (có giá trị tổng cộng khoảng 15.000.000 đồng) và vợ chồng có nhận chuyển nhượng 01 diện tích đất thổ cư, vườn tạp ngang 08, dài 10m, giá 75.000.000 đồng. Đất tọa lạc ấp Bình Tấn, xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Quá trình giải quyết, anh yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, phần anh được nhận là 45.000.000 đồng. Xét thấy, Tòa án đã xem xét yêu cầu chia tài sản chung của anh Phú E và ấn định thời gian để anh nộp biên lai tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho Tòa án, nhưng hết thời hạn anh vẫn không nộp biên lai thu tạm ứng án phí sơ thẩm

đối với yêu cầu này. Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Tại phiên tòa, anh Phú E xác định: tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến. Trường hợp anh Phú E có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[6] Về quan hệ nợ chung: Chị T, anh Phú E trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T đối với anh Huỳnh Phú E.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Phú E thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn **số 142, ngày 20 tháng 10 năm 2010** do Ủy ban nhân dân **xã Bình Phước Xuân**, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho **anh** Huỳnh Phú E **và chị** Nguyễn Thị T không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Huỳnh Gia B, sinh ngày 25/01/2011 và Huỳnh Gia H, sinh ngày 20/5/2013 (hiện do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng). Anh Huỳnh Phú E không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Chị Nguyễn Thị T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Huỳnh Phú E trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc chị Nguyễn Thị T, anh Huỳnh Phú E xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì chị T và anh Phú E phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị Nguyễn Thị T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0013454 ngày 13/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Chị T đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

